TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:61/2017/HNGĐ–ST
Ngày: 31/7/2017
V/v "Ly hôn giữa chị S và anh V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân**

2. Ông **Nguyễn Trọng Lâm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thảo S** – 1985

2. Bị đơn: Anh **Phạm Quốc V** – 1983.

Cùng HKTT: Tổ 1, ấp 4, xã A, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Chị S, anh V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và trong quá trình thụ lý hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Thảo S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu và bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám cưới, đến năm 2013 mới làm thủ túc đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 13/8/2013. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên cãi nhau, đến năm 2014 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân là do anh V hay uống rượu, không chịu chăm lo làm ăn, do đó vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay nên tình cảm phai nhạt. Nay chị không còn tình cảm yêu thương dành cho anh V và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc V.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Phạm Đăng Kh, sinh ngày 14/02/2013. Chị S đồng ý giao cháu Kh cho anh V nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Quốc V trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh V thừa nhận thời điểm chung sống và kết hôn như chị S trình bày như trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính tình nên hay cãi nhau. Chị S đi làm ở thành phố một thời gian nhưng cũng từ đó chị S đi luôn không về. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay, Trong thời gian ly thân anh và chị S không liên lạc, không quan tâm mà bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị S có 01 con chung Phạm Đăng Kh, sinh ngày 14/02/2013. Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Kh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Kh ở cùng với anh, do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị S đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); bản sao giấy khai sinh của con (Bản sao); Sổ hộ khẩu của gia đình (Bản sao) các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, các biên bản xác minh về việc mâu thuẫn vợ chồng, thu nhập và đạo đức của các bên. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S. Cho chị S được ly hôn với anh V, theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Đăng Kh, sinh ngày 14/02/2013 cho anh V nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Thẩm quyền, quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự trong vụ án.

- Bị đơn anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 1, ấp 4, xã A, huyện P, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị S yêu cầu ly hôn anh V và giao con chung cho anh V nuôi dưỡng nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, chị S là người khởi kiện nên xác định chị là nguyên đơn, anh V là bị đơn được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 BLTTDS.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[-] Về hôn nhân: Chị S, anh V tự nguyện tìm hiểu và bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 068/2013 ngày 13/8/2013. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị S, anh V thừa nhận là vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau, vợ chồng chị không sống chung với nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay, nhưng anh V không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt. Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thì trong thời gian chị S và anh V không còn sống chung đã 03 năm, hai người bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống và có xảy ra mâu thuẫn như các bên đương sự khai là đúng.

Như vậy, có căn cứ xác định anh chị đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu khởi kiện của chị S, cho chị S được ly hôn với anh Phạm Quốc V.

[-] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Đăng Kh, sinh ngày 14/02/2013. Chị S, anh V thỏa thuận giao cháu Phạm Đặng Kh cho anh V nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị S. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, chị S, anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Được quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

[-] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh V khai không có, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị S chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thảo S. Cho chị S được ly hôn anh Phạm Quốc V.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Đăng Kh, sinh ngày 14/02/2013 anh V nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, chị S, anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh V khai không có nên không xem xét.

2/ Về án phí: Chị Đỗ Thị Thảo S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu số 005775 ngày 05/6/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Chị S, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- UBND xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 068 ngày 13/8/2013)
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Lan

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Điền;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan